

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 –TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2026/HS-ST
Ngày: 21-7-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Chính

Bà Dương Thị Sáu

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Nguyễn Duy Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 58/2026/TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2026/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Phan Minh P, tên gọi khác: Phụng Nhỏ, sinh ngày 28/9/1994; tại Tây Ninh; nơi cư trú: ấp C P, xã M, tỉnh Tây Ninh (Nay là ấp P, xã M, tỉnh Tây Ninh); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Xuân S và bà Châu Thị Kim S1; vợ Lương Thị Trúc P1 (sống như vợ chồng không đăng ký kết hôn), có 01 con; tiền án: không; tiền sự: Ngày 13/9/2024, Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Long An (nay là xã M, tỉnh Tây Ninh) ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý cai nghiện ma túy tại gia đình cộng đồng số 198/QĐ-UBND, thời hạn 12 tháng. Bị cáo chấp hành ngày 13/9/2025, chưa xóa tiền sự.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23/12/2025 cho đến ngày 01/01/2026 chuyển tạm giam cho đến nay tại Phân trại tạm giam Tân Lân thuộc Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh T. Có mặt;

2. Huỳnh Thị Trúc M, tên gọi khác: T, sinh ngày 07/02/1996; tại Đồng Nai; nơi cư trú: Thôn A, phường P, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: Nhà trọ cô B, ấp C, xã M, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn T1 và bà Nguyễn Thị H; không chồng, có 03 con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23/12/2025 cho đến ngày 27/12/2025 trả tự do áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Nguyễn Văn P2, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp P, xã M, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt;

2/ Phan Châu P3, sinh năm 2000. Địa chỉ: Ấp C P, xã M, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt;

3/ Huỳnh Thị Hồng S2, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn A, phường P, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt;

- Người chứng kiến:

1/ Trần Hồng Châu Nhật T2, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp C P, xã M, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt;

2/ Nguyễn Ngọc Đăng C, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp C, xã M, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào lúc khoảng 10 giờ 00 ngày 22/12/2025, Huỳnh Thị Trúc M đang ở nhà của anh Nguyễn Văn P2 (thường gọi là G) tại ấp P, xã M, tỉnh Tây Ninh thì có Phan Minh P (thường gọi là Phụng N) đến chơi. M và Minh P đi qua nhà hoang gần nhà anh P2, tại đây Minh P nhờ M mua 1.500.000 đồng ma túy đá để dành sử dụng thì M đồng ý, M điện thoại cho tên L (không rõ nhân thân, lai lịch) hẹn xuống gần nhà nghỉ K thuộc xã R, tỉnh Tây Ninh để mua bán ma túy thì L đồng ý. Do không có tiền nên Minh P mượn P2 200.000đ đưa cho M, mượn M 400.000đ, mượn Phan Châu P3 (em ruột của Minh P) 900.000đ (tiền tài khoản) chuyển vào tài khoản MoMo của M, ngoài ra M mượn Huỳnh Thị Hồng S2 (chị ruột của M) 200.000đ (tiền tài khoản). P mượn xe mô tô 62H1-4512 của Bé (chưa rõ nhân thân, lai lịch) chở M đến gần nhà nghỉ K thuộc xã R, tỉnh Tây Ninh thì dừng xe, M xuống xe đi bộ lại gần phía trước nhà nghỉ K gặp L, tại đây L đưa cho M 01 túi nylon nhỏ và 01 túi nylon lớn hàn kín bên trong chứa ma túy, M đưa cho L 420.000đ tiền mặt và chuyển khoản cho L số tiền 1.080.000 đồng vào ví điện tử MoMo của L. Sau khi mua ma túy xong M cất 02 túi ma túy đá vào áo ngực bên phải rồi cùng P đi về nhà hoang ở ấp P, xã M, tỉnh Tây Ninh. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, P đang điều khiển xe chở M đến đoạn đường liên ấp A P, xã M, tỉnh Tây Ninh thì bị thi bị kiểm tra, bắt quả tang và lập biên bản: Thu giữ bên trong áo ngực bên phải của M 01 túi nylon hàn kín kích thước 03x01cm và 01 túi nylon hàn kín kích thước 03x04cm, bên trong 02 túi nylon chứa tinh thể màu trắng (được niêm phong ký hiệu MT1)

Ngoài ra, Phan Minh P là đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy theo Quyết định Quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú số 924/QĐ-UBND ngày 13/9/2025 của Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Tây Ninh. P khai nhận, ngày 21/12/2025, P mua ma túy từ L với giá 200.000 đồng và sử dụng trái phép chất ma túy một mình vào chiều ngày 21/12/2025 và sáng ngày 22/12/2025 trong phòng ngủ của P, tại nhà ở ấp C P, xã M, tỉnh Tây Ninh. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành lấy mẫu nước tiểu của P giám định ma túy.

Tại Bản kết luận giám định số 3124/KL-KTHS ngày 29/12/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh T, giám định và kết luận: Tinh thể màu trắng trong 02 (hai) gói nylon hàn kín được niêm phong gửi đi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có tổng khối lượng là

2,6197 gam. H1 lại đối tượng giám định: Mẫu còn lại sau giám định có khối lượng: 2,2723 gam và vỏ bao đựng mẫu được niêm phong.

Tại Bản kết luận giám định số 253/KL-KTHS ngày 26/01/2026 của Phòng K1 Công an tỉnh T giám định và kết luận: Mẫu nước tiểu ghi thu của Phan Minh P, sinh năm 1994, HKTT: ấp C, P, xã M, tỉnh Tây Ninh gửi đến giám định có tìm thấy chất ma túy loại Methamphetamine. H1 lại đối tượng giám định: không.

Tại Bản Cáo trạng số 38A/CT-VKSKV4 ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 -Tây Ninh truy tố bị cáo Phan Minh P phạm tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Huỳnh Thị Trúc M phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Phan Minh P, Huỳnh Thị Trúc M hoàn toàn nhìn nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Tây Ninh truy tố, không đưa ra chứng cứ nào minh oan, không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại về kết luận giám định, đồng thời không khiếu nại đối với Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 –Tây Ninh tham gia phiên tòa vẫn giữ y quan điểm như Cáo trạng đã truy tố các bị cáo Phan Minh P, Huỳnh Thị Trúc M về tội danh và điều luật, đồng thời phân tích đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phan Minh P phạm tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Huỳnh Thị Trúc M phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 256a; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan Minh P từ 02 năm đến 03 năm tù

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan Minh P từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt. Buộc bị cáo Phan Minh P chấp hành hình phạt chung.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, n khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Trúc M từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Đề nghị tịch thu tiêu hủy: Mẫu còn lại sau giám định có khối lượng: 2,2723 gam ma túy loại Methamphetamine và vỏ bao đựng mẫu được niêm phong.

+ Đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh của Huỳnh Thị Trúc M sử dụng vào mục đích mua ma túy cho Minh P.

+ Đối với 01 xe mô tô số khung RRKDCG5UMAX100459, số máy VTTJ1P50FMG3100459, gắn biển số 62H1-4512. Quá trình điều tra, xác định xe mô tô số khung RRKDCG5UMAX100459, số máy VTTJ1P50FMG3100459 thuộc sở hữu của Lê Văn C1 (đã chết). Biển số 62H1-4512 thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị L1, hiện biển số 62H1-4512 đã bán, hiện Cơ quan điều tra chưa xác định được chủ sở hữu nên tiếp tục tạm giữ xử lý sau không đề nghị xem xét.

- Về án phí: Buộc các bị cáo Phan Minh P, Huỳnh Thị Trúc M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Lời nói sau cùng của các bị cáo P, M: Các bị cáo biết hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người chứng kiến vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292, 296 Bộ luật Tố tụng hình sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung: Lời khai nhận tội của các bị cáo Phan Minh P, Huỳnh Thị Trúc M tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang vào lúc 15 giờ ngày 22/12/2025, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người chứng kiến trong quá trình điều tra, phù hợp với bản ảnh xác định nơi xảy ra vụ việc, phù hợp với Bản Kết luận giám định số 3124/KL-KTHS ngày 29/12/2025, số 253/KL-KTHS ngày 26/01/2026 của Phòng K1 Công an tỉnh T và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa có đủ căn cứ xác định: Các bị cáo Phan Minh P, Huỳnh Thị Trúc M là con nghiện để có ma túy sử dụng nên khoảng 10 giờ 00 ngày 22/12/2025, bị cáo P nhờ bị cáo M đi mua ma túy dùm cho P để dành sử dụng thì M đồng ý, M sử dụng điện thoại gọi cho L (chưa rõ nhân thân lai lịch) hẹn xuống gần nhà nghỉ K thuộc xã R, tỉnh Tây Ninh để mua bán ma túy thì L đồng ý. P điều khiển xe mô tô 62H1-4512 của tên B1 (không rõ nhân thân, lai lịch) chở M đến gần nhà nghỉ K, P ngồi trên xe còn M đi bộ gặp L mua 02 túi nylon chứa tinh thể màu trắng với giá 1.500.000đ, M cất 02 túi ma túy đá vào áo ngực bên phải rồi cùng P đi về. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, khi P chở M đến đoạn đường liên ấp A P, xã M, tỉnh Tây Ninh thì bị lực lượng Công an xã M kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang cùng tang vật. Qua kết quả giám định 02 túi nylon chứa tinh thể màu trắng là ma túy loại Methamphetamine với khối lượng 2,6197 gam

Ngoài ra, bị cáo Phan Minh P là đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy theo Quyết định Quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú số 924/QĐ-UBND ngày 13/9/2025 của Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Tây Ninh. Ngày 21-22/12/2025, bị cáo P có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy trong phòng ngủ của P, tại nhà ở ấp C, xã M, tỉnh Tây Ninh, qua giám định nước tiểu của P có tìm thấy chất ma túy loại Methamphetamine.

Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận cáo Phan Minh P phạm tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Huỳnh Thị Trúc M phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh truy tố các bị cáo Phan Minh P, Huỳnh Thị Trúc M với tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi vi phạm pháp luật của các bị cáo Phan Minh P, Huỳnh Thị Trúc M là rất nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo cũng thừa biết ma túy là chất độc hại, gây nghiện làm tổn hại nghiêm trọng đến sức khỏe, tinh thần và thể chất con người nên Nhà nước thống nhất quản lý và nghiêm cấm mua bán, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép chất ma túy nhưng vì muốn thỏa mãn cơn nghiện nên bị cáo P đã nhờ bị cáo M mua ma túy về tàng trữ để sử dụng, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, xâm phạm đến sức khỏe và sự phát triển nòi giống của dân tộc, là tác nhân gây ra các loại bệnh, gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Bị cáo Phan Minh P có tiền sự bị Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Long An (nay là xã M, tỉnh Tây Ninh) ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý cai nghiện ma túy tại gia đình cộng đồng và là đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy theo Quyết định Quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú số 924/QĐ-UBND ngày 13/9/2025 của Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Tây Ninh nhưng bị cáo không tu tâm làm lại cuộc đời lại tiếp tục có hành vi tàng trữ và sử dụng trái phép chất ma túy. Đối với bị cáo M là người trực tiếp cho bị cáo P mượn tiền và trực tiếp liên hệ mua ma túy cất giấu trong người cho đến khi bị bắt quả tang. Do đó hành vi phạm tội của các bị cáo P, M cần áp dụng hình phạt cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5]. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Phan Minh P, Huỳnh Thị Trúc M phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo Phan Minh P, Huỳnh Thị Trúc M thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo M phạm tội khi mang thai nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự

[6]. Xét quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị xử phạt tù và mức hình phạt đối với các bị cáo Phan Minh P, Huỳnh Thị Trúc M là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: Mẫu còn lại sau giám định có khối lượng: 2,2723 gam ma túy loại Methamphetamine ma túy loại Methamphetamine và vỏ bao đựng mẫu được niêm phong.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh của Huỳnh Thị Trúc M sử dụng vào mục đích mua ma túy cho Minh P.

- Đối với 01 xe mô tô số khung RRKDCG5UMAX100459, số máy VTTJ1P50FMG3100459, gắn biển số 62H1-4512. Quá trình điều tra, xác định xe mô tô số khung RRKDCG5UMAX100459, số máy VTTJ1P50FMG3100459 thuộc sở hữu của Lê Văn C1 (đã chết). Biển số 62H1-4512 thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị L1, hiện biển số 62H1-4512 đã bán, Cơ quan điều tra chưa xác định được chủ sở hữu nên tiếp tục giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tiếp tục tạm giữ xử lý sau nên không xem xét.

[8]. Đối với Nguyễn Văn P2, Phan Châu P3, Huỳnh Thị Hồng S2, không biết Minh P và M mượn tiền để mua ma túy. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T không xử lý là phù hợp

[9]. Đối với tên L là người bán ma túy cho Phan Minh P và Huỳnh Thị Trúc M, qua làm việc bị cáo không cung cấp được họ, tên và địa chỉ cụ thể. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tiến hành xác minh ví điện tử MoMo tên L sử dụng nhận tiền mua bán ma túy nhưng không xác định được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T không có cơ sở xác minh để xử lý.

[10]. Đối với tên B1 cho P mượn xe qua làm việc bị cáo không cung cấp được họ, tên và địa chỉ cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T không có cơ sở xác minh.

[11]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Phan Minh P, Huỳnh Thị Trúc M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phan Minh P phạm tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo Huỳnh Thị Trúc M phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

1.1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 256a; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan Minh P 02 (hai) năm tù

1.2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan Minh P 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù

1.3. Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt. Buộc bị cáo Phan Minh P chấp hành hình phạt chung 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 23/12/2025

1.4. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s,n khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Trúc M 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo Thi hành án có khẩu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 23/12/2025 đến ngày 27/12/2025

2. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo Phan Minh P 45 ngày kể từ ngày tuyên án (21/7/2026) để đảm bảo thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: Mẫu còn lại sau giám định có khối lượng: 2,2723 gam ma túy loại Methamphetamine và vỏ bao đựng mẫu được niêm phong. (Vật chứng do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T quản lý)

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh. (Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 –Tây Ninh quản lý theo biên bản giao nhận ngày 30/6/2026)

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, buộc các bị cáo Phan Minh P, Huỳnh Thị Trúc M mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

4. Án xử sơ thẩm công khai. Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự các bị cáo Phan Minh P có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 4;
- Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Bị cáo; Người liên quan;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Thanh

